

**CÔNG TY TNHH CHUYÊN PHÁT HERMES**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CHUYÊN PHÁT HERMES

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HERMES EXPRESS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109734880

**3. Ngày thành lập:** 19/08/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 10 ngách 75 ngõ 167 đường Quang Tiến, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979262356

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất sợi                                                                                                                      | 1311     |
| 2.  | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                             | 1312     |
| 3.  | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                           | 1313     |
| 4.  | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                            | 1399     |
| 5.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                    | 1410     |
| 6.  | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                  | 1420     |
| 7.  | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                     | 1511     |
| 8.  | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                    | 1512     |
| 9.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                           | 1622     |
| 10. | In ấn                                                                                                                             | 1811     |
| 11. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                          | 1812     |
| 12. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh<br>Chi tiết: Sản xuất chất đánh bóng và xi cho sản phẩm da | 2023     |
| 13. | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su                                                                                                  | 2219     |
| 14. | Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                | 3230     |
| 15. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                              | 1430     |
| 16. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                        | 3312     |
| 17. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                            | 3314     |
| 18. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                            | 3319     |
| 19. | Phá dỡ                                                                                                                            | 4311     |
| 20. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                 | 4312     |
| 21. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                             | 4321     |
| 22. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                    | 4631     |

|     |                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                            | 4632 |
| 24. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                              | 4633 |
| 25. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                                         | 4634 |
| 26. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                          | 4641 |
| 27. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: không bao gồm dược phẩm và dụng cụ y tế                                                                                                                                       | 4649 |
| 28. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                            | 4652 |
| 29. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                               | 4659 |
| 30. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                             | 4690 |
| 31. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                          | 4711 |
| 32. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:- Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)                                                                         | 4719 |
| 33. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                             | 4721 |
| 34. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                              | 4722 |
| 35. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                | 4723 |
| 36. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                               | 4751 |
| 37. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                   | 4753 |
| 38. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                      | 4761 |
| 39. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                    | 4762 |
| 40. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                    | 4763 |
| 41. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                      | 4764 |
| 42. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                              | 4771 |
| 43. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế và đồ chỉnh hình<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772 |
| 44. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                | 4774 |
| 45. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                              | 4781 |
| 46. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                           | 4784 |

|     |                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 47. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: không bao gồm vàng, bạc, đá quý và đá bán quý                                                                                                              | 4789        |
| 48. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: không bao gồm hoạt động đấu giá                                                                                                               | 4791        |
| 49. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: không bao gồm hoạt động đấu giá                                                                                                                          | 4799        |
| 50. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                        | 5210        |
| 51. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                   | 5224        |
| 52. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                            | 5225        |
| 53. | Bưu chính                                                                                                                                                                                                          | 5310(Chính) |
| 54. | Chuyển phát                                                                                                                                                                                                        | 5320        |
| 55. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                           | 4782        |
| 56. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                           | 7020        |
| 57. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                          | 7310        |
| 58. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                           | 7320        |
| 59. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                     | 7410        |
| 60. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                             | 7710        |
| 61. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                     | 7730        |
| 62. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                          | 8230        |
| 63. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                   | 8292        |
| 64. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: xuất nhập khẩu hàng hóa (trừ loại hàng hóa nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU HIỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 12/06/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001193012543

Ngày cấp: 04/05/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: *Đội 1 Lạc Thị, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Đội 1 Lạc Thị, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội